

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 14

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

1 Nhận dạng hóa chất / chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

- Thông tin sản phẩm
- Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (A-Komp.)**
- Mã sản phẩm: 204208
- Mục đích sử dụng hóa chất hay hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng
Không có thông tin liên quan.
- Ứng dụng của hóa chất / hỗn hợp: Chất bít kín
- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
- Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:
SCHOMBURG GmbH
Aquafinstr. 2-8
D-32760 Detmold
Đức
- ĐT: ++49 (0)5231/953-00
Fax: ++49 (0)5231/953-123
email: info@schomburg.de
web: www.schomburg.de
- Phòng thông tin:
Phòng an toàn sản phẩm
- ĐT: ++49 (0)5231/953-193
Fax: ++49 (0)5231/953-106
email: guido.herfort@schomburg.de

2 Nhận biết nguy hiểm

- Phân loại hóa chất hay hỗn hợp
- Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008
Sản phẩm không được phân loại theo quy định CLP.
-
- Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hoặc Chỉ thị 1999/45/EC Không có thông tin
- Thông tin về các mối nguy hiểm đặc biệt cho con người và môi trường:
Không để sản phẩm rò rỉ vào hệ thống thoát nước, nguồn nước hoặc đất.
Sản phẩm không phải dán nhãn theo quy trình tính toán trong "Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các chế phẩm của liên minh Châu Âu (EU)", phiên bản hiện hành mới nhất.
- Hệ thống phân loại:
Phân loại phù hợp với các danh mục EC hiện hành. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên các thông tin kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp.
-
- Thành phần nhãn
- Dán nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008 Không có thông tin
- Biểu tượng nguy hiểm Không có thông tin
- Từ báo hiệu Không có thông tin
- Cảnh báo nguy hiểm Không có thông tin
- Các mối nguy hiểm khác
- Kết quả thẩm định PBT và vPvB
- PBT: Không áp dụng.
- vPvB: Không áp dụng.

3 Thành phần/thông tin về các phụ liệu

- Đặc tính hóa học: Hỗn hợp
- Mô tả: Hỗn hợp gồm các thành phần sau.

(Xem tiếp ở trang 2)

GB

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 14

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 1)

· **Các thành phần nguy hiểm:**

CAS: 1305-78-8 canxi ôxit < 2,5%
EINECS: 215-138-9 Xi R41
Nguy hại cho mắt nhóm 1, H318

· **Thông tin bổ sung**

Hàm lượng cromat trong xi măng dưới 2 ppm nên không áp dụng đánh giá theo cụm từ số 43 liên quan.
Xem phần diễn giải các cảnh báo nguy hiểm nêu trên ở Mục 16.

4 Các biện pháp sơ cứu

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**
- **Thông tin tổng quan** Bảo vệ cá nhân cho nhân viên sơ cứu.
- **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí sạch hay khí ôxy; liên hệ bác sĩ điều trị ngay.
- **Sau khi tiếp xúc với da** Sau khi tiếp xúc, vệ sinh da ngay và rửa bằng nước và xà phòng.
- **Sau khi tiếp xúc với mắt** Giữ mắt mở và rửa mắt liên tục trong vài phút dưới dòng nước đang chảy.
- **Sau khi nuốt phải**
Uống nhiều nước và hít thở không khí sạch. Liên hệ bác sĩ điều trị ngay.
Cho bác sĩ xem bao bì hoặc nhãn sản phẩm
- **Thông tin dành cho bác sĩ điều trị**
- **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**
Không có thông tin liên quan.
- **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay.**
Không có thông tin liên quan.

5 Các biện pháp chữa cháy

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các chất dập lửa phù hợp** Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với môi trường.
- **Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp** Không có thông tin liên quan.
- **Chỉ dẫn cho nhân viên chữa cháy**
- **Thiết bị bảo hộ:** Đeo bình khí thở (SCBA).
- **Thông tin bổ sung** Tuân thủ quy trình ứng phó khẩn.

6 Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

- **Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn**
Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Mang thiết bị bảo hộ. Không cho những người không có thiết bị bảo hộ vào khu vực nguy hiểm.
- **Bảo vệ môi trường:** Không để sản phẩm xâm nhập vào hệ thống xử lý nước thải hoặc đường nước.
- **Các biện pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**
Thu gom sản phẩm bằng máy chuyên dụng, tránh hình thành bụi.
- **Các mục tham khảo khác**
Xem Phần 7 để biết thêm thông tin về xử lý an toàn
Xem Phần 8 để biết thêm thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân.
Xem Phần 13 để biết thêm thông tin về tiêu hủy.

7 Xử lý và Cất giữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn** Tránh xa tầm tay trẻ em.
- **Thông tin về các biện pháp chống cháy nổ:** Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào.

(Xem tiếp ở trang 3)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 14

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 2)

- Điều kiện cất giữ an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích
- Cất giữ
- Yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa: Không có yêu cầu đặc biệt.
- Thông tin về cất giữ trong điều kiện bảo quản thông thường:
Vui lòng tuân thủ quy tắc của Giải pháp-Bảo quản-VCI đối với hóa chất.
- Thông tin bổ sung về điều kiện bảo quản: Không có thông tin.
- Chỉ định riêng Không có thông tin liên quan.

8 Kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

- Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:
Phải có điều kiện vệ sinh da ở nơi làm việc.
Phải luôn có sẵn dung dịch vệ sinh mắt tại khu vực làm việc.
- Thông số kiểm soát
- Thành phần có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc:
1305-78-8 canxi ôxit (< 2,5%)
WEL Giá trị dài hạn: 2 mg/m³
- Thông tin bổ sung: Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.
- Kiểm soát phơi nhiễm
- Thiết bị bảo hộ cá nhân
- Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ
Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường khi xử lý các hóa chất.
Làm sạch quần áo nhiễm bẩn bằng máy hút bụi. Không được thổi hoặc chải quần áo nhiễm bẩn.
Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi làm việc.
Tránh tiếp xúc với mắt và da. Thay ngay quần áo bị nhiễm bẩn.
- Thiết bị thở: Không yêu cầu.
- Bảo vệ tay:
Bảo vệ tay: Găng tay cao su nitril- latex.
Chất liệu găng tay phải không thấm và chịu được sản phẩm/chất/chế phẩm.
Do chưa tiến hành kiểm tra nên không đưa ra khuyến cáo về vật liệu sản xuất găng tay đối với sản phẩm/chế phẩm/hỗn hợp hóa chất.
Khi lựa chọn chất liệu găng tay cần xem xét thời gian tiếp xúc, mức độ khuếch tán và phân hủy.
- Chất liệu găng
Việc lựa chọn loại găng tay phù hợp, không chỉ dựa vào chất liệu, mà còn dựa trên các mục tiêu về chất lượng và thay đổi tùy theo nhà sản xuất. Vì là chế phẩm được làm từ vài hợp chất khác nhau nên độ bền của vật liệu làm găng không thể tính toán trước, và do đó phải được kiểm tra trước khi sử dụng.
- Thời gian thấm của vật liệu làm găng
Thời gian mòn thủng chính xác của găng tay phải do Nhà sản xuất cung cấp và phải được theo dõi
- Bảo vệ mắt: Sử dụng kính bảo hộ trong trường hợp có nhiều bụi.
- Bảo vệ cơ thể: Quần áo bảo hộ lao động.

9 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

- Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản
- Thông tin chung
- Tính chất vật lý:
 - Thể: Rắn.
 - Màu sắc: Theo đặc điểm sản phẩm
 - Mùi: Đặc trưng
 - Ngưỡng về mùi: Không xác định.

(Xem tiếp ở trang 4)

Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 3)

· độ pH:	Không áp dụng.
· Thay đổi trong điều kiện	
Điểm nóng chảy/Phạm vi nóng chảy:	Không xác định
Điểm sôi/Phạm vi sôi:	Không áp dụng
· Điểm bùng cháy:	Không áp dụng
· Khả năng cháy (chất rắn, khí)	Không xác định.
· Nhiệt độ tự cháy:	
Nhiệt độ phân hủy:	Không xác định.
· Khả năng tự cháy:	Sản phẩm không tự cháy.
· Nguy cơ cháy nổ:	Sản phẩm không gây nổ.
· Giới hạn cháy nổ:	
Giới hạn dưới:	Không xác định.
Giới hạn trên:	Không xác định.
· Áp suất hóa hơi:	Không áp dụng.
· Tỷ trọng	
Tỷ trọng biểu kiến	1.25 kg/dm ³
Tỷ trọng tương đối	Không xác định.
Tỷ trọng hơi	Không áp dụng.
Tỷ lệ bay hơi	Không áp dụng.
· Độ hòa tan trong / Khả năng hòa lẫn với	
Nước:	Không tan trong nước
· Hệ số phân chia (n-octanol/nước):	Không xác định.
· Độ nhớt:	
động lực:	Không áp dụng.
động học:	Không áp dụng.
· Thông tin khác	Không có thêm thông tin liên quan.

10 Tính ổn định và Hoạt tính

- Hoạt tính
- Độ ổn định hóa học
- Phân hủy do nhiệt / điều kiện cần tránh:
Không phân hủy nếu được sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.
- Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến
- Điều kiện cần tránh Không có thông tin liên quan.
- Vật liệu không tương thích: Không có thông tin liên quan.
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào

11 Thông tin về độc tính

- Thông tin về các ảnh hưởng độc hại
- Độc cấp tính:
- Các giá trị LD/LC50 phù hợp để phân loại: Chưa có thông tin.
- Ảnh hưởng kích ứng chính: Không gây kích ứng
- trên da: Không gây kích ứng.
- trên mắt: Không gây kích ứng
- Mẫn cảm: Không gây mẫn cảm.

(Xem tiếp ở trang 5)

Tên thương mại: AQUAFIN-RS 300 (A-Komp.)

(Tiếp theo trang 4)

· **Thông tin độc tính bổ sung :**

Sản phẩm không chịu phân loại theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn phân loại tổng quan cho các chế phẩm của EC, phiên bản hiện hành mới nhất.

12 Thông tin sinh thái

- **Độc tính**
- **Độc tính thủy sinh:** Không có thông tin liên quan.
- **Sự tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.
- **Diễn biến trong các hệ môi trường :**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thông tin liên quan.
- **Độ linh động đất** Không có thông tin liên quan.
- **Thông tin sinh thái khác:**
- **Lưu ý chung:**
- Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước Nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
- Không để sản phẩm nguyên chất hoặc lượng lớn sản phẩm xâm nhập vào nước ngầm, nguồn nước hay hệ thống thoát nước.
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.
- **Các ảnh hưởng có hại khác** Không có thông tin liên quan.

13 Những lưu ý khi tiêu hủy

- **Các biện pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị** Có thể tiêu hủy khối lượng nhỏ cùng với rác thải sinh hoạt.
- **Danh mục chất thải Châu Âu**
 17 00 00: RÁC THẢI XÂY DỰNG (GỒM ĐẤT ĐƯỢC ĐÀO Ở CÁC KHU VỰC BỊ Ô NHIỄM)
 17 01 00: bê tông, gạch, ngói và gốm sứ
 17 01 07: hỗn hợp bê tông, gạch, ngói và gốm sứ ngoài những chất thải được đề cập trong 17 01 06 (3)
 Với mục đích của mục này, các kim loại chuyển tiếp gồm scandi, vanadi, mangan, coban, đồng, yttrium, niobi, hafni, vonfram, titan, crom, sắt, niken, kẽm, zircon, molybden và tantali. Các kim loại này hoặc hợp chất của chúng có đặc tính nguy hiểm nếu được phân loại là các chất nguy hiểm. Việc phân loại các chất nguy hiểm phải xác định loại kim loại chuyển tiếp và hợp chất kim loại chuyển tiếp nào có đặc tính nguy hiểm. 16.2.2001 L47/25 Tạp chí chính thức của Cộng đồng Châu Âu EN
- **Bao bì chưa làm sạch:**
- **Khuyến nghị:** Phải tiêu hủy theo các quy định chính thức.

14 Thông tin vận chuyển

· Mã LHQ (UN)	Không có thông tin
· ADR, ADN, IMDG, IATA	Không có thông tin
· Tên vận chuyển theo quy ước LHQ	Không có thông tin
· ADR, ADN, IMDG, IATA	Không có thông tin
· Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển	
· ADR, ADN, IMDG, IATA	
· Phân loại	Không có thông tin
· Nhóm đóng gói	
· ADR, IMDG, IATA	Không có thông tin

(Xem tiếp ở trang 6)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 14

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 5)

- | | |
|---|--|
| · Nguy hiểm cho môi trường: | |
| · Ô nhiễm biển: | Không |
| · Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng | Không áp dụng. |
| · Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và quy tắc IBC | Không áp dụng. |
| · Vận chuyển/Thông tin bổ sung: | Không nguy hiểm theo các thông số kỹ thuật ở trên. |
| · “Quy định mẫu” của LHQ: | - |

15 Thông tin pháp luật

- **Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động đối với hóa chất hay hỗn hợp**
- **Quy định quốc gia**
- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:**
Gây nguy hiểm nước nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
Phân loại theo hướng dẫn của Đức.
- **Thảm định an toàn hóa chất:** Chưa thực hiện đánh giá an toàn hóa chất.

16 Thông tin khác

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên kiến thức mới nhất của chúng tôi. Dữ liệu không tuyên bố sự đảm bảo cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

- **Nhóm/Cụm từ liên quan**
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
R41 Nguy cơ gây hại nghiêm trọng cho mắt.
- **Phòng phát hành phiếu dữ liệu kỹ thuật:** Phòng bảo vệ môi trường.
- **Người liên hệ:** Ông Guido Herfort
- **Các cụm từ viết tắt:**
ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy định vận tải đường bộ Châu Âu đối với Hàng Hóa Nguy Hiểm)
IMDG: Bộ Luật Hàng Hải Quốc Tế Về Hàng Hóa Nguy Hiểm
IATA: Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế
GHS: Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất
EINECS: Danh Mục Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành Của Châu Âu
ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Khai Báo Của Châu Âu
CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa Chất (cơ quan trực thuộc Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ)
LC50: Nồng độ gây tử vong, 50%
LD50: Liều lượng gây tử vong, 50%

- *** Dữ liệu có sửa đổi so với phiên bản trước.**

GB